CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 119/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 1, 2 và 3 Điều 45a, Điều 45b, Điều 45c, khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 45d Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp về tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia, thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

Chương II
TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP AN NINH QUỐC GIA

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 45a Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp an ninh và bảo đảm an ninh, trật tự, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định danh mục sản phẩm, dịch vụ cụ thể thuộc các nhóm sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm a

khoản 2 Điều 45a Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất xem xét điều chỉnh, bổ sung.

2. Nghiên cứu, làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ lưỡng dụng; chuyển giao, tiếp nhận chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

3. Huy động tối đa các nguồn lực của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia phát triển công nghiệp an ninh, gồm:

a) Xây dựng và áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh;

b) Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh và nguồn vốn từ các tổ chức tài chính, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các tổ chức quốc tế;

c) Thực hiện tiếp nhận chuyển giao công nghệ, hỗ trợ về nhân lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

d) Xây dựng, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các khu công nghiệp an ninh, khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng, phòng thí nghiệm, hệ thống cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư hoặc tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia;

đ) Huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Nghiên cứu, sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh phục vụ nhu cầu của lực lượng Công an nhân dân, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân. Chuyển giao công nghệ lưỡng dụng, phù hợp cho các tổ chức, doanh nghiệp để hợp tác, liên doanh, liên kết nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

5. Đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghiệp an ninh tập trung vào các quốc gia, doanh nghiệp có trình độ khoa học và công nghệ phát triển. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

Điều 4. Thành phần tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia là cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt.

2. Thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia gồm một trong các loại hình sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp trong lực lượng Công an nhân dân;

b) Tổ chức, doanh nghiệp ngoài lực lượng Công an nhân dân.

3. Việc công nhận, hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này.

4. Hạt nhân và thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia hợp tác dưới hình thức liên doanh, liên kết, ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

5. Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh điều phối toàn diện hoạt động của các thành phần tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia thông qua các cơ chế, chính sách, giao nhiệm vụ, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu, hỗ trợ nguồn lực, hợp tác công tư. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định cơ quan kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ thường trực của Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh.

Điều 5. Điều kiện cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Chủ trì nghiên cứu, thiết kế, sản xuất thành công ít nhất một loại sản phẩm, dịch vụ thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, có công nghệ hiện đại, tính ưu việt, được sử dụng rộng rãi trong nước.

2. Có khả năng ứng dụng, phát triển hoặc tạo ra công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

3. Có đơn vị nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh trong cơ cấu tổ chức.

4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

5. Có nhân lực đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành, nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất và hoàn chỉnh sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

Điều 6. Công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt đề nghị công nhận là hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Hội đồng quản lý phát triển

công nghiệp an ninh; không phải nộp các thành phần hồ sơ đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận là hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia, gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận là hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu về: Tên, loại hình, địa chỉ, địa bàn hoạt động, ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh được cơ quan chức năng giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc chỉ định thầu trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

c) Báo cáo thuyết minh và các tài liệu chứng minh (nếu có) đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Trường hợp thành phần hồ sơ không đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh kiểm tra, đánh giá việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này của cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc công nhận cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia; Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh thông báo kết quả cho cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt bằng văn bản; trường hợp không được công nhận phải nêu rõ lý do.

Điều 7. Hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh đánh giá năng lực của hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia và xem xét đề nghị hủy công nhận nếu hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Trường hợp có cơ sở đề nghị hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh thông báo đến cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt bị hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

Điều 8. Trách nhiệm của hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được phân công trong tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia, trình Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh phê duyệt.

2. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo nhiệm vụ được phân công; liên doanh, liên kết và điều phối các thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng ký kết.

3. Hoàn chỉnh sản phẩm đảm bảo chất lượng, số lượng và các chỉ tiêu, tính năng chiến thuật, kỹ thuật được phê duyệt.

4. Bảo đảm bí mật nhà nước trong quá trình ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết với các thành viên của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia và trong hợp tác với đối tác trong nước, nước ngoài.

5. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ về Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh và chịu trách nhiệm về các nội dung đã báo cáo.

6. Chịu trách nhiệm quản lý các nguồn tài chính đã tiếp nhận dành riêng cho thực hiện nhiệm vụ được phân công trong tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia độc lập với các nhiệm vụ khác; báo cáo Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh kết quả thực hiện.

7. Trích tối thiểu 10% lợi nhuận sau thuế hàng năm để đóng góp vào Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh.

Điều 9. Trách nhiệm của thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Trách nhiệm chung của thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

a) Tham gia hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia theo đúng phạm vi, nhiệm vụ, kế hoạch, lĩnh vực được giao và tuân thủ hợp đồng đã ký kết;

b) Bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công nghệ liên quan quá trình thực hiện hợp đồng; bảo mật thông tin về quá trình tham gia và hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Chịu trách nhiệm quản lý các nguồn tài chính đã tiếp nhận dành riêng cho thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia độc lập với các nhiệm vụ khác. Chấp hành chế độ kiểm tra, báo cáo về hoạt động tham

gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia theo quy định và yêu cầu của Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh, chịu trách nhiệm về các nội dung đã báo cáo.

2. Đối với doanh nghiệp thực hiện hợp đồng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, ngoài các trách nhiệm nêu tại khoản 1 Điều này, phải thực hiện một số trách nhiệm sau:

a) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh đảm bảo chất lượng, số lượng và các chỉ tiêu, tính năng chiến thuật, kỹ thuật theo hợp đồng được phê duyệt;

b) Trích tối thiểu 5% thu nhập tính thuế hoặc 3% tổng doanh thu thực hiện hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh đã ký kết để đóng góp vào Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh. Khoản đóng góp của tổ chức là doanh nghiệp trong nước được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 10. Chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ định hướng chiến lược xây dựng công nghiệp an ninh của Đảng, Nhà nước để ban hành các quy định, chương trình, kế hoạch và trực tiếp chỉ đạo, điều phối, dẫn dắt sự phát triển tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia; quản lý việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia và hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia; quy định cụ thể việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu, hợp tác công tư, hỗ trợ nguồn lực để triển khai hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

2. Thúc đẩy liên doanh, liên kết giữa các thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia:

a) Ban hành quy chuẩn, công bố tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực an ninh, trật tự, tạo cơ sở cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia;

b) Ưu tiên các thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia tham gia các dự án đầu tư, mua sắm công, chương trình xúc tiến thương mại, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình khảo sát trong nước và nước ngoài liên quan đến nhóm, chuyên ngành sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

3. Bộ Công an xây dựng đề án, chương trình phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi thuộc lĩnh vực quản lý trên cơ sở danh mục và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt được phê duyệt để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh và giao cho tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia triển khai thực hiện. Kinh phí triển khai đề án, chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh.

4. Các cơ chế, chính sách về hợp tác công tư trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, phát triển khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng được áp dụng theo quy định của Nhà nước đối với hợp tác công tư để đầu tư nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Các hợp đồng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh được thực hiện dưới hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc chỉ định thầu. Bộ Công an quyết định theo thẩm quyền việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, chỉ định nhà thầu là thành viên thuộc tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia để nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ số, công nghệ nền, công nghệ lõi trên lĩnh vực an ninh, trật tự; thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh. Kinh phí triển khai thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh.

6. Ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, các khu công nghiệp an ninh (sử dụng đất an ninh), khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng (bao gồm cả đất an ninh và đất sản xuất công nghiệp, đất dịch vụ), trang thiết bị cho tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia và phục vụ nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh. Khuyến khích hợp tác công tư trong đầu tư, phát triển các khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng phục vụ hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; nhà nước ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và khuyến khích nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ tại khu công nghiệp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí quỹ đất, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đầu tư hạ tầng kết nối thiết yếu và tạo điều kiện theo đề nghị của Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh để đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp an ninh, khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng tại địa phương phục vụ phát triển công nghiệp an ninh.

7. Bộ Công an ưu tiên bố trí kinh phí, hỗ trợ triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các thành phần thuộc tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

8. Các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh (bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng theo quy định) của Việt Nam khi có nhu cầu và trong viện trợ không hoàn lại cho các đối tác nước ngoài.

Điều 11. Chính sách của Nhà nước đối với hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được hưởng chính sách của cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt quy định tại Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và các chính sách sau:

1. Được Nhà nước giao chủ trì và bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện đề án, dự án, chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo chuyên ngành.

2. Tự chủ thực hiện nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được giao chủ trì:

a) Được quyết định phương án kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ giao nhiệm vụ, đặt hàng;

b) Chủ động lựa chọn, ký hợp đồng với các thành viên của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia hoặc hợp tác với đối tác trong nước, nước ngoài theo quy định để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Trường hợp triển khai các đề án, dự án, chương trình thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này do nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí nghiên cứu, phát triển công nghệ phục vụ đề án, dự án, chương trình thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;

b) Hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí nghiên cứu, phát triển công nghệ phục vụ đề án, dự án, chương trình thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm công nghiệp an ninh không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

4. Được ưu tiên tiếp nhận chuyển giao khoa học, công nghệ từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc nhà nước và trong tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Được sử dụng Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với nhiệm vụ được phân công; không đánh giá hiệu quả kinh tế đối với dự án đầu tư này.

5. Được sử dụng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp an ninh, khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng, trang thiết bị do nhà nước đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Các đơn vị quản lý cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư ưu tiên sắp xếp, tạo điều kiện cho hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia sử dụng cơ sở hạ tầng do mình quản lý. Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng được thanh toán từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 12. Chính sách của Nhà nước đối với thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Được nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình tham gia hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Được cung cấp và sử dụng thông tin trong phạm vi phục vụ triển khai nhiệm vụ, hợp đồng của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

2. Được ưu tiên giao nhiệm vụ, đặt hàng, chỉ định nhà thầu hoặc hỗ trợ, đầu tư, cho vay thông qua Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh để thực hiện chương trình, đề án, dự án nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo chuyên ngành.

3. Được liên doanh, liên kết, ký hợp đồng với các thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh. Được ưu tiên tiếp cận, chuyển giao khoa học, công nghệ lưỡng dụng hiện đại từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc nhà nước và trong tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

4. Doanh nghiệp thực hiện hợp đồng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh được giảm tối thiểu 10% tiền thuê đất trong các khu công nghiệp an ninh, khu công nghiệp an ninh lưỡng dụng; ưu đãi sử dụng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị do nhà nước đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia; hưởng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật về thuế khi thực hiện tiếp nhận chuyển giao, nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh; được ưu đãi về tín dụng theo quy định của pháp luật; được bảo đảm kinh phí và thanh toán đúng thời hạn.

5. Được miễn trách nhiệm dân sự khi thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo nhiệm vụ được giao do nguyên

nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng thực hiện nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, hoàn chỉnh, cung ứng, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước áp dụng cho hợp tác công tư để đầu tư nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

"b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đến cơ quan chức năng quản lý tài chính trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo phạm vi quản lý; không phải nộp các thành phần hồ sơ đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử;".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"**Điều 5. Điều kiện, hình thức, trình tự tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; cung cấp sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an ninh mạng, công nghệ cao, công nghệ chiến lược của cơ sở huy động**

1. Cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có ngành, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của công nghiệp quốc phòng, an ninh;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, thực hành; đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu phù hợp với ngành nghề cần đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, dạy nghề.

2. Cơ sở huy động tham gia hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an ninh mạng, công nghệ cao, công nghệ chiến lược phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Đối với doanh nghiệp phải đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh ngành, nghề cung cấp sản phẩm, dịch vụ tương ứng lĩnh vực tham gia theo quy định của pháp luật;

b) Đối với tổ chức không phải là doanh nghiệp phải có chức năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ tương ứng lĩnh vực tham gia;

c) Đã cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp có quy mô tổ chức hoặc quy mô sản xuất tương đương trở lên với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cung cấp.

3. Cơ sở huy động tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an ninh mạng, công nghệ cao, công nghệ chiến lược thông qua hợp đồng đặt hàng với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh gửi văn bản về nhu cầu đặt hàng kèm theo các điều kiện tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đến các tổ chức, doanh nghiệp.

5. Cơ sở huy động lập 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao quyết định thành lập kèm theo văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kèm theo giấy phép hoạt động, giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp;

c) Tài liệu chứng minh năng lực cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị, kinh nghiệm của tổ chức, doanh nghiệp tương ứng với lĩnh vực tham gia.

6. Hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có nhu cầu; không phải nộp các thành phần hồ sơ đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử. Trình tự thực hiện như sau:

a) Trường hợp huy động cơ sở tham gia đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an ninh mạng, công nghệ cao phục vụ các chương trình, dự án sử dụng ngân sách nhà nước được xác định độ Tuyệt mật: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này thẩm định, đánh giá việc đáp ứng điều kiện tham gia của tổ chức, doanh nghiệp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an theo phạm vi quản lý. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này thông báo kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp bằng văn bản;

b) Trường hợp huy động cơ sở tham gia đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an ninh mạng, công nghệ cao phục vụ các chương trình, dự án sử dụng ngân sách nhà nước được xác định độ Tối mật: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này thẩm định, đánh giá việc đáp ứng điều kiện tham gia của tổ chức, doanh nghiệp, báo cáo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này thông báo kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp bằng văn bản;

Trường hợp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có nhu cầu huy động thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đó chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá, lựa chọn cơ sở huy động theo nhu cầu;

c) Trường hợp không thuộc quy định tại các điểm a, b khoản này, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này thẩm định hồ sơ và trực tiếp đàm phán, ký kết hợp đồng với các tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 6 như sau:

"b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều này; không phải

nộp các thành phần hồ sơ đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử;".

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật; sản xuất vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất quốc phòng và các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng; trong đó, tập trung các loại vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Nghiên cứu, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ công nghiệp quốc gia, có ứng dụng công nghệ cao, hiện đại thuộc các lĩnh vực: Trí tuệ nhân tạo; chuỗi khối; công nghệ bán dẫn; công nghệ lượng tử; công nghệ sinh học; công nghệ nano; công nghệ robot; Internet vạn vật (IoT); công nghệ vật liệu tiên tiến, siêu bền, siêu nhẹ, siêu chịu nhiệt; công nghệ viễn thông thế hệ mới và công nghệ mới nổi. Chuyển giao công nghệ phù hợp cho phát triển kinh tế - xã hội giúp gia tăng giá trị sản phẩm.".

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Bộ Quốc phòng ban hành chiến lược phát triển tổ hợp công nghiệp quốc phòng; giao nhiệm vụ, kế hoạch dài hạn sản xuất sản phẩm, dịch vụ quốc phòng và quản lý việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thông qua hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Sản phẩm, dịch vụ do tổ hợp công nghiệp quốc phòng sản xuất được ưu tiên sử dụng hoặc viện trợ không hoàn lại cho đối tác nước ngoài của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước. Việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng thực hiện theo hình thức đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Bộ Quốc phòng xây dựng đề án, chương trình phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ số, công nghệ nền, công nghệ lõi thuộc lĩnh vực quản lý trên cơ sở danh mục và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt được phê duyệt để thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật, ưu tiên vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược và giao cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng triển khai thực hiện. Kinh phí triển khai đề án, chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Tự chủ điều phối, liên doanh, liên kết trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất của tổ hợp công nghiệp quốc phòng:

a) Được quyết định phương án kỹ thuật và quyết định giá sản phẩm, dịch vụ giao nhiệm vụ, đặt hàng các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thực hiện; bảo đảm tổng chi phí thực hiện sản phẩm của hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng không vượt giá sản phẩm được giao;

b) Chủ động lựa chọn, ký hợp đồng với các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng để hoàn thành nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

c) Được chủ động xây dựng cơ chế thu hút các tổ chức, doanh nghiệp tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.".

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình